

Bản án số: 862/2024/HC-PT

Ngày 15 – 8 – 2024

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực đất đai*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán:

Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 437/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 2620/2023/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2508/2024/QĐPT-HC ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Võ Văn M, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số B Đường B, khu phố I, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: A đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có văn bản đề nghị vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: A đường T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có văn bản đề nghị vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T:

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1973 Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm 1992 – Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T (có mặt).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H; Địa chỉ: Số H đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H:

- Ông Chu Vĩnh L – Phó trưởng Phòng Pháp chế Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Ngô Huy P – Chuyên viên Phòng Pháp chế Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H (có mặt).

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Võ Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Võ Văn M trình bày:

Quá trình quản lý sử dụng đối với diện tích 118,5m² thuộc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 2, nay là thửa số 142, tờ bản đồ số 38, phường H mà hiện nay ông khởi kiện đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc:

- Trước năm 1978 do ông Nguyễn Văn G và vợ Võ Thị T2 đứng bộ, sau đó góp đất vào Tập đoàn B và giao cho Tập đoàn B quản lý sử dụng.

- Từ năm 1978 đến 1980 quyền sử dụng đất do Tập đoàn B đăng ký sử dụng theo tài liệu bản đồ 299/TTg, đất này giao cho ông Võ Văn L1 canh tác. Đến năm 1981 giao khoán đất cho ông Võ Văn L1 quản lý sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

- Từ năm 1981 đến 1995 đất do ông Võ Văn L1 đăng ký sử dụng theo tài liệu bản đồ chỉ thị số 02/CT-UB, ông Võ Văn L1 có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất, có tên trong Sổ địa chính. Đến năm 1994 - 1995 Nhà nước thu hồi một phần thửa 566, diện tích thu hồi 1.899m², theo Hợp đồng vị trí thửa 566 được Phòng nông nghiệp và thủy lợi huyện T duyệt ngày 15/8/1994 và Tờ trình số 08/TT- XDGTVT được Ủy ban nhân dân huyện T ký duyệt ngày 12/9/1994, theo văn bản số 14/UBND-QLĐT ngày 05/01/1995, văn bản số 1492/UBND-QLĐT ngày 09/6/1995 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc giải quyết địa điểm xây dựng và theo Biên bản họp việc đền bù hoa màu ngày 05/7/1995 ông Võ Văn L1 đã nhận số tiền được đền bù diện tích 1.899m² x 24.500 đồng = 46.525.000 đồng.

Đến ngày 15/7/1995 ông Võ Văn L1 chuyển nhượng lại phần đất có diện tích xéo còn lại là 207m² (nay đo vẽ thực tế diện tích còn 118,5m²) cho ông bằng giấy tay với giá 5.171.000 đồng, hai bên đã thực hiện việc giao tiền và nhận đất cùng ngày 15/7/1995, là phù hợp với Điều 75 Luật Đất đai năm 1993. Mặt khác phù hợp với Biên bản họp việc đền bù ngày 05/7/1995 nội dung họp 414 kết luận các thành viên trong cuộc họp trong có Hợp tác xã N đều thống nhất, đồng ý số liệu thửa 566 diện

tích 2.106m² và đồng ý cho ông Võ Văn L1 nhận số tiền được đền bù.

- Từ năm 1995 đến nay năm 2023 ông đã sử dụng ổn định lâu dài gần 28 năm, trước ngày 01/7/2004 không ai tranh chấp khiếu nại gì liên quan phần đất trên, không vi phạm pháp luật về đất đai, phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, theo Quy hoạch Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở của 30 hộ dân được Kiến trúc sư trưởng thành phố ký duyệt quy hoạch ngày 02/10/1996, kèm theo Công văn số 12236/KTST. QH ngày 02/10/1996, lộ giới không ảnh hưởng, phù hợp với Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 1190/TP- 2019 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T duyệt nội nghiệp và quy hoạch ngày 24/10/2019, lộ giới không ảnh hưởng, phù hợp với Điều 100, 101 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

Việc chuyển nhượng đất, nhận chuyển nhượng đất còn có 10 người làm chứng, chứng kiến xác nhận nói rõ ông M mua đất của ông Võ Văn L1 và sử dụng từ 1995 đến nay gồm ông Đào Thế T3 xác nhận ngày 15/12/2020, ông Trần Ngọc T4 xác nhận ngày 30/9/2019, ông Võ Văn Đ xác nhận ngày 09/10/2019, Hợp tác xã H2 xác nhận ngày 22/10/2019, ông Huỳnh Hữu H, ông Dương Văn P1, ông Nguyễn Công T5 xác nhận ngày 18, 19/9/2020, ông Nguyễn Ngọc T6 trưởng ban khu phố 9, ông Phạm Anh V tổ trưởng dân phố 57A, ông Nguyễn Văn T7 xác nhận ngày 19/9/2020 đính kèm.

Ngày 31/10/2019 vợ chồng ông nộp Đơn đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phần diện tích đất 118,5m², đơn nộp được Văn phòng đăng ký đất đai quận T nhận ngày 06/11/2019 biên nhận số 030421.

Nhưng sau đó Ủy ban nhân dân quận T từ chối không thực hiện mà ban hành Văn bản số 50/UBND ngày 07/01/2020 (*sau đây gọi là Văn bản số 50*) về việc giao trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và Văn bản số 2575/UBND- TNMT ngày 15/6/2020 (*sau đây gọi là Văn bản số 2575*) về việc xử lý đơn của ông Võ Văn M và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6178/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần đầu) (*sau đây gọi là Quyết định số 6178*) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần hai) (*sau đây gọi là Quyết định số 3351*) nội dung từ chối không thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định và cho rằng không công nhận nội dung khiếu nại của ông M vì khiếu nại không có cơ sở, vì liên quan đến Văn bản số 2800/UBND-TNMT ngày 14/7/2016 của Ủy ban nhân dân quận T về việc trả lời đơn của ông Võ Văn M.

Nhận thấy các quyết định ban hành nêu trên không đúng quy định pháp luật do có nhầm lẫn diện tích đất 118,5m², vị trí đất 118,5m² của ông, với diện tích đất trống 146m², vị trí đất trống 146m² của 30 hộ dân, ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của ông như sau:

- Đất diện tích 118,5m² ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 ngày 15/7/1995, không liên quan đến Văn bản số 2800 ngày 14/7/2016 của UBND quận T, không liên quan đến diện tích, vị trí đất trống 146m² của 30 hộ dân, không liên quan đến tiền đền bù của 30 hộ dân ngày 05/7/1995, bởi vì ngày 20/2/2016 ông Đoàn

Vĩnh T8 vào lần chiếm một phần đất trồng 146m² của 30 hộ dân. Ngày 20/02/2016, Tổ dân phố 57A lập biên bản sự việc. Ngày 24, 25/02/2016 có gần 30 hộ dân ký đơn nội dung: Chúng tôi ủy quyền cử ông Võ Văn M được đại diện cho chúng tôi đề yêu cầu, khiếu nại, tham dự, giải quyết, quyết định các vấn đề liên quan đến đất 146m² xéo dôi ra của chúng tôi nhằm bảo vệ quyền lợi cho chúng tôi. Như vậy thời điểm lúc bấy giờ tư cách của ông Võ Văn M là người được cử đại diện cho 30 hộ dân. Như vậy về hình thức, nội dung của Văn bản số 2800 không liên quan đến cá nhân ông, không liên quan đến phần diện tích đất 118,5m² của ông.

- Phần diện tích đất 118,5m² do ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 ngày 15/7/1995 không liên quan đến diện tích đất trồng 146m² của 30 hộ nhân dân, bởi vì bên đền bù chỉ căn cứ theo Hợp đồng vị trí thửa 566 đã được Phòng nông nghiệp và thủy lợi huyện T duyệt ngày 15/8/1994 nói rõ ranh thu hồi một phần thửa 566 diện tích thu hồi 1.899 m² và Tờ trình số 02/TT- XDGTVT đã được Ủy ban nhân dân huyện T duyệt ngày 12/9/1994 nói rõ thu hồi một phần thửa 566 diện tích thu hồi 1.899 m² và theo Văn bản số 14/UB-QLĐT ngày 05/01/1995, Văn bản số 1492/UB-QLĐT ngày 09/6/1995 của Ủy ban nhân dân T9 về việc giải quyết địa điểm xây dựng.

Như vậy, đối chiếu với quy định của pháp luật, quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được duyệt ngày 02/10/1996 nêu trên thì diện tích, vị trí phần đất 118,5m² thuộc thửa 566 hoàn toàn không thuộc quy hoạch đất giao thông, lộ giới không bị ảnh hưởng. Do vậy việc cho rằng đất thuộc quy hoạch đất giao thông là trái quy định, nhằm về diện tích, vị trí phần đất 118,5m² của ông với diện tích, vị trí khu đất trồng 146m² dôi ra của 30 hộ dân, có dấu hiệu bao che cho người dân có hành vi vi phạm lấn xây nhà ngay trên vị trí đã quy hoạch đường phía T.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hủy:

- Văn bản số 2800/UBND ngày 14/7/2016 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T);

- Văn bản số 50/UBND ngày 07/01/2020 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T);

- Văn bản số 2575/UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T);

- Quyết định số 6178/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần đầu);

- Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần hai).

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có văn bản trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất liên quan khu đất có diện tích 118,5m² thuộc một phần thửa 142, tờ bản đồ 38 (TL đo năm 2005) tương ứng một phần thửa 566, tờ bản đồ số 02 (TL năm 1991):

Theo xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân phường H ngày 08/11/2019

thì: “Đất do ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị T2 đứng bộ. Sau đó ông G – bà T2 bỏ đi nước ngoài. Năm 1978, Tập đoàn B tiếp quản dạng đất vắng chủ. Sau đó giao lại cho ông Võ Văn L1 là xã viên canh tác (không rõ năm) và Sở Tư pháp đã đền bù hoa màu cho ông Võ Văn L1 từ năm 1995, hiện trạng để trống. Năm 2016, ông Võ Văn M nộp đơn đề nghị tại Ủy ban nhân dân quận T xem xét giải quyết khiếu nại đối với 02 văn bản số 422/TNMT ngày 26/4/2016 của phòng T và văn bản số 527/UBND ngày 27/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường H. Ngày 14/7/2016, Ủy ban nhân dân quận T đã có văn bản số 2799/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Võ Văn M, nội dung: ...Do đất không nằm trong ranh thu hồi và giao đất của dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp cũng như không bị chi phối bởi quyết định số 256/QĐ- UB-QLĐT ngày 18/01/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu hồi và giao đất khu dân cư cho nhân dân làm nhà ở nên phần đất trên vẫn do nhà Nước quản lý. Việc các hộ dân giao cho ông Võ Văn M quản lý là không phù hợp. Mặt khác, khu đất trên thuộc quy hoạch đất giao thông. Trong thời gian chờ bố trí vốn thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân Quận giao Ủy ban nhân dân phường H quản lý, lấy ý kiến người dân tạm làm công viên cho khu dân cư nơi đây....

Việc ông M khai trình nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 từ năm 1995 là không có cơ sở.

Về nguồn gốc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (tài liệu năm 1991):

Đất do ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị T2 đứng bộ. Sau đó ông G – bà T2 bỏ đi nước ngoài. Năm 1978, Tập đoàn B tiếp quản dạng đất vắng chủ. Sau đó giao lại cho ông Võ Văn L1 là xã viên canh tác (không rõ năm). Theo tài liệu năm 1991, thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 bộ địa chính xã H có diện tích 2.106m².

Năm 1994, Sở Tư pháp thành phố lập thủ tục xin sử dụng đất xây dựng nhà ở cho 30 cán bộ công nhân viên tại xã H. Theo biên bản cuộc họp việc đền bù hoa màu cho xã viên hợp tác xã nông nghiệp ngày 05/7/1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, ghi nhận Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh đã đền bù diện tích 2.106m² đất lúa với số tiền 51.517.000 đồng cho ông Võ Văn L1.

- Về quy hoạch:

Ngày 18/01/1997, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định 256/QĐ- UB-QLĐT về việc thu hồi và giao đất khu dân cư cho nhân dân làm nhà ở (30 hộ). Theo bản đồ vị trí thu hồi và giao đất số 20990/ĐĐ ngày 25/9/1995 của Sở Địa chính thể hiện một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (theo tài liệu năm 1991) nằm ngoài ranh thu hồi và giao đất.

Phần diện tích đất 118,5m² ông M đề nghị cấp giấy chứng nhận thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (TL 2005), theo tài liệu năm 1991 thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 nằm ngoài ranh Quy hoạch tổng mặt bằng khu nhà ở Cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp (quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500) được Kiến trúc sư trưởng thành phố duyệt theo Văn bản số 12236/KTST.QH ngày 02/10/1996.

Theo quy hoạch chi tiết 1/2000: Khu đất thuộc quy hoạch đất giao thông và đất hỗn hợp theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường H, quận T (nay là thành phố T) đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 20/09/2013 và

đề án điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường H, quận T (nay là thành phố T) đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 31/07/2018.

- Về việc xử lý đơn và giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M:

Năm 2016, ông Võ Văn M có đơn phản ánh (đơn ngày 30/3/2016, ngày 18/4/2016) liên quan nguồn gốc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 2 (TL năm 1991) nay thuộc thửa 142, tờ bản đồ số 38 (TL đo năm 2005), ông M cho rằng phần đất dôi ra 146m² đã được 30 cán bộ công nhân viên công đoàn Sở Tư pháp đóng góp kinh phí để chi trả tiền đền bù (không từ ngân sách nhà nước) theo Văn bản số 14/UB-QLĐT ngày 05/01/1995, Văn bản số 1492/UB-QLĐT ngày 09/6/1995 của UBND thành phố, công văn số 435/CV-VP ngày 14/6/1995 của Sở Tư pháp, Biên bản họp đền bù 05/7/1995 của Ủy ban nhân dân xã H bị lấn chiếm, xâm phạm đền quyền và lợi ích của 30 hộ nhân dân cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp và yêu cầu giải quyết. Đồng thời, tại đơn ông M cho rằng ông được 30 hộ cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp, Ban chấp hành công đoàn giao quản lý. Qua kiểm tra, xác minh, ngày 14/7/2016, Ủy ban nhân dân quận T có Văn bản số 2800/UBND-TNMT trả lời cho ông M:

Vị trí, hiện trạng khu đất tạm làm công viên Ủy ban nhân dân phường H đo đạc theo bản vẽ sơ đồ nhà đất số 1609/TP-2017 do công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 16/9/2017, diện tích 185,7m² thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (theo TL đo năm 2005), theo tài liệu năm 1991, thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02, hiện trạng đất trống, ranh giới tiếp giáp đường hiện hữu và tường rào, tường nhà các hộ liền kề. Ủy ban nhân dân phường H làm việc với hộ dân và lấy ý kiến nhân dân để đưa khu đất vào làm công viên công cộng, các hộ dân thuộc dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp có 29/30 hộ thống nhất chủ trương làm công viên phục vụ sinh hoạt cho các hộ dân tại khu vực.

Qua đối chiếu bản vẽ sơ đồ nhà đất số 1190/TP-2019 Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 22/10/2019 theo yêu cầu của ông M thì diện tích 118,5m² thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (tài liệu năm 2005) tương ứng một phần thửa đất 566, tờ bản đồ số 02 (tài liệu năm 1991) nằm trong phần diện tích đất Ủy ban nhân dân phường H quản lý tạm làm công viên cho khu dân cư tại khu đất.

Năm 2019, ông Võ Văn M – bà Huỳnh Thị G1 đo vẽ lập hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với khu đất thuộc một phần thửa 142, tờ bản đồ 38 (tài liệu đo năm 2005), diện tích 118,5m² theo bản vẽ sơ đồ nhà đất số 1190/TP- 2019 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 22/10/2019.

Về nguồn gốc đất theo khai trình của ông Võ Văn M - bà Huỳnh Thị G1 trên đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 31/10/2019:

“Đất trước và sau năm 1975 do ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị T2 đứng bộ. Từ năm 1978 đến năm 1995 ông Võ Văn L1 quản lý, sử dụng.

Năm 1995, nhà nước thu hồi và giao đất cho dân làm nhà ở. Ngày 05/7/1995, Ủy ban nhân dân xã H họp đền bù hoa màu và kết quả ông Võ Văn L1 đã thống nhất

nhận tiền đền bù hoa màu diện tích đất 1.899m².

Ngày 15/7/1995, ông L1 viết giấy tay chuyển nhượng phần đất còn lại nằm ngoài ranh vị trí đền bù, diện tích đất 207m² cho ông Võ Văn M và ông M sử dụng đến nay”.

Ngày 08/11/2019, Ủy ban nhân dân phường H xác nhận nguồn gốc nhà, đất trên Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Võ Văn M: “Đất do ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị T2 đứng bộ. Sau đó ông G – bà T2 bỏ đi nước ngoài. Năm 1978, Tập đoàn B tiếp quản dạng đất vắng chủ. Sau đó giao lại cho ông Võ Văn L1 là xã viên canh tác (không rõ năm) và Sở Tư pháp đã đền bù hoa màu cho ông Võ Văn L1 từ năm 1995, hiện trạng để trống. Năm 2016, ông Võ Văn M nộp đơn đề nghị tại Ủy ban nhân dân quận T xem xét giải quyết khiếu nại đối với 02 văn bản số 422/TNMT ngày 26/4/2016 của phòng T và văn bản số 527/UBND ngày 27/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường H. Ngày 14/7/2016, Ủy ban nhân dân quận T đã có văn bản số 2799/UBND-TNMT về việc giải quyết đơn của ông Võ Văn M, nội dung: ...Do đất không nằm trong ranh thu hồi và giao đất của dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp cũng như không bị chi phối bởi quyết định số 256/QĐ-UB-QLĐT ngày 18/01/1997 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thu hồi và giao đất khu dân cư cho nhân dân làm nhà ở nên phần đất trên vẫn do nhà Nước quản lý. Việc các hộ dân giao cho ông Võ Văn M quản lý là không phù hợp. Mặt khác, khu đất trên thuộc quy hoạch đất giao thông. Trong thời gian chờ bố trí vốn thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân Quận giao Ủy ban nhân dân phường H quản lý, lấy ý kiến người dân tạm làm công viên cho khu dân cư nơi đây...

Việc ông M khai trình nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 từ năm 1995 là không có cơ sở”

Do khu đất 118,5m² ông M - bà G1 khai nguồn gốc quá trình sử dụng không thống nhất với nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân phường H. Thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (tài liệu năm 1991) có nguồn gốc do nhà nước quản lý (tập đoàn B tiếp quản dạng đất vắng chủ từ năm 1978, ông Võ Văn L1 là xã viên được giao canh tác) và Sở Tư pháp đã đền bù hoa màu theo biên bản ngày 05/7/1995 nhưng để trống do nằm ngoài ranh thu hồi và giao đất của dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên sở Tư pháp và thuộc quy hoạch đất giao thông. Đồng thời, Ủy ban nhân dân quận T đã có ý kiến giao Ủy ban nhân dân phường H quản lý tạm làm công viên cho khu dân cư tại khu đất, khi nhà nước thực hiện quy hoạch sẽ mở rộng đường theo quy định. Do đó, ngày 07/01/2020, Ủy ban nhân dân quận T có Văn bản số 50 trả hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Võ Văn M – bà Huỳnh Thị G1.

Không đồng ý Văn bản số 50, ông M có đơn cứu xét, ngày 15/6/2020, Ủy ban nhân dân quận T có Văn bản số 2575 trả lời đơn của ông M .

Không đồng ý với nội dung Văn bản số 2575, ông Võ Văn M nộp đơn khiếu nại. Ngày 04/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6178 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần đầu).

Không đồng ý với nội dung giải quyết tại Quyết định số 6178, ông Võ Văn M nộp đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 03/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3351 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần hai).

Ngày 03/11/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Thông báo số 1090/TB-UBND về việc thực hiện Quyết định số 3351.

Khu đất Ủy ban nhân dân phường H đo đạc theo bản vẽ LỤC sơ đồ nhà đất số 1609/TP-2017 do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 16/9/2017 diện tích 185,7m² thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (theo TL đo năm 2005). Theo tài liệu năm 1991, thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02, có nguồn gốc do Hợp tác xã N1 quản lý, giao cho xã viên canh tác và đã đền bù hoa màu từ năm 1995 nhưng để đất trống cho đến nay, thuộc quy hoạch đất giao thông. Do đất không nằm trong ranh thu hồi và giao đất của dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp cũng như không bị chi phối bởi Quyết định số 256/QĐ-UB-QLĐT ngày 18/01/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu hồi và giao đất khu dân cư cho nhân dân làm nhà ở nên phần đất trên vẫn do Nhà nước quản lý.

Quá trình giải quyết phản ánh của ông Võ Văn M và hộ dân, Ủy ban nhân dân quận T giao Ủy ban nhân dân phường H quản lý, tạm làm công viên cho khu dân cư tại khu đất, khi nhà nước thực hiện quy hoạch sẽ mở đường theo quy định. Ủy ban nhân dân phường H làm việc với hộ dân và lấy ý kiến nhân dân để đưa khu đất vào làm công viên công cộng, các hộ dân thuộc dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp có 29/30 hộ thống nhất chủ trương làm công viên phục vụ sinh hoạt cho các hộ dân tại khu vực.

Việc ông M đo đạc một phần trong phần đất làm công viên nêu trên theo bản vẽ sơ đồ nhà đất số 1190/TP-2019 do công ty trách nhiệm hữu hạn Đ1 lập ngày 22/10/2019 và khai trình diện tích đất 30 hộ nhân dân đền bù cho ông L1 1.899m², phần đất xéo còn lại 207m² (ngoài ranh thu hồi và giao đất theo Quyết định số 256/QĐ-UB-QLĐT ngày 18/01/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố) ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 theo giấy viết tay lập ngày 15/7/1995 để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là không có cơ sở xem xét.

Căn cứ Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ Điều 64 Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Văn bản số 2575 trả hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông, bà Võ Văn M – Huỳnh Thị G1 là đúng quy định.

Việc ông Võ Văn M khiếu nại Văn bản số 2575 và đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với khu đất diện tích 118,5m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (tài liệu năm 1991), nay thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (theo tài liệu đo năm 2005) phường H là không có cơ sở.

Như vậy, Quyết định số 6178 là đúng quy định. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có văn bản trình bày ý kiến:

Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn G2 và bà Võ Thị T2 đứng bộ, sau đó ông G2 và bà T2 bỏ đi nước ngoài. Năm 1978, Tập đoàn B tiếp quản dạng đất vắng chủ và giao lại cho ông Võ Văn L1 là xã viên canh tác (không rõ năm). Theo Tài liệu năm 1991, thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 bộ địa chính xã H có diện tích 2.106m².

Năm 1994, Sở Tư pháp lập thủ tục xin sử dụng đất xây dựng nhà ở cho 30 cán bộ công nhân viên tại xã H, quận T (nay là thành phố T).

Theo Biên bản cuộc họp việc đền bù hoa màu cho xã viên hợp tác xã nông nghiệp ngày 05/7/1995 tại Ủy ban nhân dân xã H, ghi nhận Sở Tư pháp đã đền bù diện tích 2.106 m² đất lúa với số tiền (2.106 m² x 24.500 đồng) = 51.517.000 đồng cho ông Võ Văn L1.

Ngày 18/01/1997, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 256/QĐ-UB-QLĐT về việc thu hồi và giao đất khu dân cư cho nhân dân làm nhà ở (30 hộ CBCNV). Theo bản đồ vị trí thu hồi và giao đất số 20990/ĐĐ ngày 25/9/1995 của Sở Địa chính thể hiện một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02, nằm ngoài ranh thu hồi và giao đất.

Năm 2016, ông Võ Văn M có đơn phản ánh (đơn ngày 30/3/2016, ngày 18/4/2016) liên quan đến nguồn gốc thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (tài liệu năm 1991) nay thuộc thửa số 142, tờ bản đồ số 38 (tài liệu đo năm 2005), ông Võ Văn M cho rằng phần đất dôi ra 146 m² đã được 30 cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp đóng góp kinh phí để chi trả tiền đền bù (không từ ngân sách nhà nước) bị lấn chiếm, xâm phạm đến quyền và lợi ích của 30 hộ cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp và yêu cầu giải quyết. Đồng thời, tại Đơn của ông Võ Văn M cho rằng ông M được 30 hộ cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp, Ban Chấp hành công đoàn giao quản lý.

Ngày 14/7/2016, Ủy ban nhân dân quận T có Văn bản số 2800/UBND-TNMT, trả lời ông Võ Văn M.

Ủy ban nhân dân phường H làm việc với hộ dân và lấy ý kiến nhân dân để đưa khu đất vào làm công viên công cộng, các hộ dân thuộc dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp có 29/30 hộ thống nhất chủ trương làm công viên phục vụ sinh hoạt cho các hộ dân tại khu vực, hộ ông Võ Văn M không thống nhất.

Qua đối chiếu Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 1190/TP-2019 do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 22/10/2019 theo yêu cầu của ông Võ Văn M thì diện tích 118,5m² thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (TL năm 2005) tương ứng một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (TL năm 1991) nằm trong diện tích đất Ủy ban nhân dân phường H quản lý tạm làm công viên cho khu dân cư tại khu đất.

Ngày 15/6/2020, Ủy ban nhân dân quận T có Văn bản số 2575 về việc xử lý đơn của ông Võ Văn M. Không đồng ý với nội dung Văn bản số 2575, ông Võ Văn M làm Đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân quận T.

Ngày 04/11/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6178 về giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần đầu).

Không đồng ý với nội dung Quyết định số 6178, ông Võ Văn M làm Đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Đất do ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị T2 đứng bộ. Sau đó, ông G, bà T2

bỏ đi nước ngoài. Năm 1978, Tập đoàn B tiếp quản dạng vắng chủ và giao lại cho ông Võ Văn L1 là xã viên canh tác. Năm 1995, Sở Tư pháp đã đền bù hoa màu cho ông L1 theo biên bản đền bù hoa màu ngày 05/7/1995 với diện tích 2.106m².

Do đất không nằm trong ranh thu hồi và giao đất của dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp theo Quyết định số 256/QĐ-UB-QLĐT ngày 18/01/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố nên phần đất trên vẫn do nhà nước quản lý. Mặt khác khu đất trên thuộc quy hoạch đất giao thông và đất hỗn hợp theo Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư P, quận T.

Quá trình giải quyết khiếu nại của ông M, Ủy ban nhân dân quận T đã giao Ủy ban nhân dân phường H quản lý, tạm làm công viên cho khu dân cư tại khu đất, khi nhà nước thực hiện quy hoạch sẽ mở đường theo quy định.

Việc ông M đo đạc một phần trong phần đất làm công viên theo bản vẽ sơ đồ nhà đất số 1190/TP-2019 do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 22/10/2019 và lập luận diện tích đất đã đền bù để thực hiện dự án nhà ở cho cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp chỉ có 1.899m², phần đất xéo còn lại 207m² (ngoài ranh thu hồi và giao đất theo Quyết định 256/QĐ-UB-QLĐT) do ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 theo giấy viết tay lập ngày 15/7/1995 để đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không cung cấp được tài liệu và chứng cứ chứng minh là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Do đó, ngày 03/10/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3351 về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần hai) với nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 6178 là đúng quy định pháp luật. Yêu cầu ông Võ Văn M thực hiện nghiêm Quyết định số 6178.

Căn cứ hồ sơ tài liệu hiện có, các quy định pháp luật có liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H nhận thấy Quyết định số 3351 về giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần hai) là đúng quy định của pháp luật. Nội dung khởi kiện của ông Võ Văn M không có tình tiết mới làm thay đổi hướng giải quyết tại Quyết định số 3351.

Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đề nghị giữ nguyên Quyết định 3351, bác đơn khởi kiện của ông Võ Văn M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2620/2023/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 64 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M về tuyên hủy:

Văn bản số 2800/UBND ngày 14/7/2016 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T); Văn bản số 50/UBND ngày 07/01/2020 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T); Văn bản số 2575/UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) về việc xử lý đơn của ông Võ Văn M. Quyết định số 6178/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần đầu); Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần hai).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 08/01/2024, ông Võ Văn M kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Phần đất 118,5m² ông nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 ngày 15/7/1995 có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp, phù hợp với Điều 75 Luật đất đai năm 1993. Phần đất này ông M đang sử dụng ổn định lâu dài từ năm 1995 không ai tranh chấp, không lấn chiếm, không vi phạm pháp luật về đất đai và không thuộc trường hợp giao đất trái thẩm quyền, không liên quan đến hình thức, nội dung của Văn bản số 2800/UBND-TNMT ngày 14/7/2016 do UBND quận T ban hành về việc trả lời đơn của ông M, cũng không liên quan đến khu đất 146m² của 30 hộ dân, không liên quan đến tiền đền bù hoa màu diện tích 1.899m² cho ông Võ Văn L1 ngày 05/7/1995. Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhầm lẫn diện tích phần đất 118,5m², vị trí đất 118,5m², với diện tích đất 146m², vị trí đất 146m² của 30 hộ nhân dân và đã nhầm lẫn đối tượng chủ thể sử dụng phần đất 118,5m² của ông với đối tượng chủ thể sử dụng đất 146m² của 30 hộ nhân dân.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Yêu cầu khởi kiện của ông H1 là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy phần đất có diện tích 118,5m² thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (Tài liệu đo năm 2005) tương ứng một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (tài liệu năm 1991) có nguồn gốc do do Nhà nước quản lý (Tập đoàn B tiếp quản dạng đất vắng chủ, sau đó giao lại cho ông Võ Văn L1 là xã viên canh tác), hiện nằm trong quy hoạch đất giao thông nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ.

Mặt khác, hồ sơ thể hiện quá trình giải quyết kiến nghị phán ánh của ông Võ Văn M và các hộ dân, UBND quận T (nay là thành phố T) giao UBND phường H quản lý, tạm làm công viên cho khu dân cư tại khu đất, khi nhà nước thực hiện quy hoạch sẽ mở đường theo quy định. UBND phường H làm việc với hộ dân và lấy ý kiến nhân dân để đưa khu đất vào làm công viên công cộng, các hộ dân thuộc dự án khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp có 29/30 hộ thống nhất chủ trương làm công viên phục vụ sinh hoạt cho các hộ dân tại khu vực, riêng hộ ông Võ Văn M không thống nhất.

Hơn nữa, qua đối chiếu Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 1190/TP-2019 do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 22/10/2019 theo yêu cầu của ông Võ Văn M thì diện tích 118,5m² thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (tài liệu năm 2005) tương ứng một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (tài liệu năm 1991) nằm trong diện tích đất UBND phường H quản lý tạm làm công viên cho khu dân cư tại khu đất. Vì vậy UBND thành phố T ban hành Công văn số 50/UBND ngày 07/01/2020 với nội dung không có cơ sở xem xét và trao trả hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Võ Văn M là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Võ Văn M đúng về hình thức, nội dung và nộp trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố thành phố T có đơn xin xét xử vắng mặt, các đương sự không kháng cáo được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Văn bản số 2800, Văn bản số 50, Văn bản số 2575 là đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 6178 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 3351 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 11, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Đối với Văn bản số 2800:

Ủy ban nhân dân quận T ban hành Văn bản số 2800 trên cơ sở đơn khiếu nại của ông M đối với Văn bản 422/TNMT ngày 26/4/2016 của Phòng Tài Nguyên và Môi Trường quận T và Văn bản số 527/UBND ngày 27/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận T.

Xét thấy trước khi ban hành văn bản trên, Ủy ban nhân dân quận T đã mời ông M giải quyết, xác minh nguồn gốc sử dụng phần đất mà ông nêu trong đơn cũng như việc lấn chiếm đất, phá dỡ hoa màu theo các yêu cầu mà ông M đặt ra. Văn bản số 2800 cũng đưa ra căn cứ quy định pháp luật để giải quyết yêu cầu của ông M.

Ông M cũng đã nhận được văn bản trên nhưng không thực hiện quyền khởi kiện đến Tòa án (ông M xác nhận đã nhận Văn bản số 2800 vào năm 2016). Sau đó cho đến năm 2019 ông M có đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông M tiếp tục khiếu nại và khởi kiện tại tòa. Khi giải quyết khiếu nại của ông M, các cơ quan có thẩm quyền có căn cứ vào nội dung Văn bản số 2800 để xét giải quyết khiếu nại cho ông M nên Tòa sơ thẩm xác định Văn bản số 2800 là quyết định hành chính liên quan và xem xét chung với các yêu cầu khởi kiện của ông M là đúng quy định.

Việc ông M cho rằng Văn bản số 2800 ban hành không đúng quy định pháp luật nhưng ý kiến mà ông đưa ra không có căn cứ nên Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Văn bản số 2800 là có căn cứ.

[2.2.2] Đối với Văn bản số 50:

Xét thấy phần đất mà gia đình ông M đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 118,5m² thuộc một phần thửa đất số 566, tờ bản đồ số 02 (tài liệu năm 1991), nay thuộc một phần thửa đất số 142, tờ bản đồ số 38 (theo tài liệu đo năm 2005) phường H có nguồn gốc theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường ngày 8/11/2019 thì do ông Nguyễn Văn G và bà Võ Thị T2 đứng bộ sử dụng từ trước năm 1975 sau đó ông G và bà T2 bỏ đi nước ngoài. Năm 1978 tập đoàn B tiếp quản dạng đất vắng chủ, sau đó giao lại cho ông Võ Văn L1 là xã viên canh tác và sử dụng (không rõ năm). Năm 1995 toàn bộ khu đất này nằm trong dự án nhà ở của cán bộ nhân viên Sở Tư pháp nên ông L1 đã được nhận tiền đền bù.

Căn cứ bản vẽ lập ngày 16/09/2017 do Công ty TNHH Đ1 thực hiện thì phần đất trên thuộc diện tích đất công viên có diện tích 185,7m² phần đất này trước đây đã được giao cho Ủy ban nhân dân phường H quản lý và sử dụng vào mục đích công cộng.

Căn cứ vào bản vẽ do ông M cung cấp cũng do Công ty TNHH Đ1 lập ngày 22/10/2019 thì thấy được phần đất mà ông M xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm ngoài ranh quy hoạch khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp nhưng nằm trong ranh quy hoạch đất hỗn hợp do nhà nước quản lý.

Như vậy vị trí đất mà ông M yêu cầu được cấp giấy chứng nhận theo bản vẽ lập ngày 16/9/2017 và bản vẽ lập ngày 22/10/2019 là cùng vị trí chứ không như ý kiến của ông M cho rằng vị trí mà ông yêu cầu được cấp giấy khác với vị trí mà Ủy ban nhân dân quận T cũ xác định theo Văn bản số 2800.

Việc ông M chuyển nhượng với ông L1 trước đây chỉ bằng giấy tay, không đo đạc thể hiện phần đất chuyển nhượng có vị trí nào, diện tích cụ thể bao nhiêu, bản thân ông L1 khi chuyển nhượng cũng không có giấy tờ gì chứng minh được phần đất mà mình chuyển nhượng là hợp pháp và được quyền chuyển nhượng. Việc chuyển nhượng giữa ông L1 và ông M chưa được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Do vậy việc ông M cho rằng phần đất mà ông xin được cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông L1 từ năm 1995, sử dụng ổn định, đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở.

Căn cứ khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 64 Luật Đất đai năm 2013, Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) ban hành Văn bản số 50 giao trả hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông, bà Võ Văn M – Huỳnh Thị G1 là đúng quy định. Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M về hủy Văn bản số 50 là có căn cứ.

[2.2.3] Đối với Văn bản số 2575:

Xét thấy phần diện tích đất 118,5m² ông M đề nghị cấp giấy chứng nhận QSDĐ nằm ngoài ranh quy hoạch tổng mặt bằng khu nhà ở cán bộ công nhân viên Sở Tư pháp (quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500) được Kiến trúc sư trưởng Thành phố duyệt theo Văn bản số 12236/KTST.QH ngày 02/10/1996.

Theo quy hoạch chi tiết 1/2000: Khu đất thuộc quy hoạch đất giao thông và đất hỗn hợp theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường H, quận T (nay là thành phố T) đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5132/QĐ-UBND ngày 20/09/2013 và đồ án điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị (quy hoạch phân khu) tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư phường H, quận T (nay là thành phố T) đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 3138/QĐ-UBND ngày 31/07/2018.

Trước đây vào năm 2016, ông Võ Văn M có đơn phản ánh liên quan đến phần đất xin cấp giấy CNQSDĐ, ông M cho rằng phần đất dôi ra 146m² đã được 30 cán bộ công nhân viên công đoàn Sở Tư pháp đóng góp kinh phí để chi trả tiền đền bù (không từ ngân sách nhà nước. Đồng thời, tại đơn ông M cho rằng ông được 30 hộ cán bộ, công nhân viên Sở Tư pháp, Ban chấp hành công đoàn giao quản lý. Qua kiểm tra, xác minh, ngày 14/7/2016, Ủy ban nhân dân quận T có Văn bản số 2800 trả lời cho ông M.

Như đã phân tích trên thì thấy được phần đất của ông M xin cấp giấy chứng nhận là đất trong ranh quy hoạch thuộc quyền quản lý của nhà nước, mục đích sử dụng làm đất công cộng nên việc Ủy ban nhân dân quận T ban hành Văn bản số 2575 trả lời đơn của ông M là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 2575 không được Tòa sơ thẩm chấp nhận là đúng quy định.

[2.2.4] Đối với các quyết định số 6178 và quyết định số 3351:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 6178 về giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần đầu) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đã

thực hiện việc giải quyết khiếu nại và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2). Tuy nhiên như đã nhận định nêu trên Văn bản số 2575 trả lời đơn của ông M là đúng quy định của pháp luật. Do đó, ông M khởi kiện yêu cầu hủy các Quyết định số 6178, 3351 là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông M là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông M không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

[4] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Võ Văn M, sinh năm 1955 là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

[1] Bác kháng cáo của ông Võ Văn M. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 2620/2023/HC-ST ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 và khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Điều 64 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn M về tuyên hủy:

- Văn bản số 2800/UBND ngày 14/7/2016 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T);

- Văn bản số 50/UBND ngày 07/01/2020 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T); Văn bản số 2575/UBND ngày 15/6/2020 của Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) về việc xử lý đơn của ông Võ Văn M;

- Quyết định số 6178/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T) về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần đầu);

- Quyết định số 3351/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Võ Văn M (lần hai).

[2] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Võ Văn M.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP Hồ Chí Minh (1)
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (3)
- NLQ; (3)
- Lưu VT (6), HS (2) T.20 (BA 36)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Long